

Số: **4178** /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày **21** tháng **8** năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 quận Ba Đình

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai 2013; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 736/QĐ-UBND ngày 03/02/2023 của UBND Thành phố về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 quận Ba Đình;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND Thành phố về việc Thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất năm 2023; điều chỉnh giảm danh mục các dự án chuyển mục đích đất trồng lúa năm 2023 trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 6243 /TTr-STNMT-QHKHSDĐ ngày 16 tháng 8 năm 2023,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh, bổ sung danh mục Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 và chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 quận Ba Đình đã được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 736/QĐ-UBND ngày 03/02/2023 như sau:

- Bổ sung và cập nhật vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 quận Ba Đình là: 02 dự án, với diện tích 0,165 ha (Phụ lục kèm theo).
- Điều chỉnh diện tích các loại đất trong năm 2023, cụ thể:
  - Điều chỉnh phân bổ diện tích các loại đất trong năm 2023.

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>1</b>	<b>Loại đất</b>		<b>920,76</b>	<b>100,00</b>
<i>1</i>	<i>Đất nông nghiệp</i>	<i>NNP</i>	<b>1,61</b>	<b>0,18</b>



STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
1.1	Đất trồng lúa	LUA		
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	0,76	0,08
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	0,83	0,09
1.4	Đất nông nghiệp khác	NKH	0,02	0,00
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>916,34</b>	<b>99,52</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	41,62	4,52
2.2	Đất an ninh	CAN	4,52	0,49
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK		
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN		
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	37,72	4,10
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	23,37	2,54
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS		
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX		
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	314,61	34,17
	<i>Trong đó:</i>			
-	Đất giao thông	DGT	205,36	22,30
-	Đất thủy lợi	DTL	3,32	0,36
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	14,13	1,53
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	10,12	1,10
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	29,29	3,18
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	9,19	1,00
-	Đất công trình năng lượng	DNL	3,43	0,37
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,02	0,00
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG		
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	30,51	3,31
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA		
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	3,11	0,34
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD		
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH	2,56	0,28
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	0,16	0,02
-	Đất chợ	DCH	3,43	0,37
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL		
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	1,16	0,13
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	19,08	2,07
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT		
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	305,90	33,22
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	47,38	5,15
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	4,81	0,52
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	20,98	2,28



STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	4,72	0,51
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	38,83	4,22
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	51,44	5,59
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,05	0,00
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>2,81</b>	<b>0,31</b>

b. Bổ sung vào kế hoạch thu hồi các loại đất năm 2023:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)
<b>1</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>0,056</b>
1.1	Đất ở tại đô thị	ODT	0,056

c. Bổ sung Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)
<b>1</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN/PNN</b>	<b>0,056</b>
1.1	Đất cơ sở tín ngưỡng	ODT/TIN	0,014
1.2	Đất giao thông	ODT/DGT	0,042

3. Điều chỉnh số dự án và diện tích ghi tại điểm e Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 736/QĐ-UBND ngày 03/02/2023 thành: 42 dự án với tổng diện tích 20,7325 ha.

4. Các nội dung khác ghi tại Quyết định số 736/QĐ-UBND ngày 03/02/2023 của UBND Thành phố vẫn giữ nguyên hiệu lực.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở, ban, ngành của Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Ba Đình và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận :**

- Như Điều 2;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT Thành ủy;
- TT HĐND TP;
- UB MTTQ TP;
- Chủ tịch, các PCT UBND TP;
- VPUB: VP, TNMT;
- Lưu VT.

4390x - 5

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trọng Đông

# DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 QUẬN BA ĐÌNH

(Kèm theo Quyết định số ~~478~~ /QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2023 của UBND thành phố Hà Nội)

TT	Danh mục công trình, dự án	Mục đích SDD (Mã loại đất)	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích (Ha)	Trong đó diện tích đất thu hồi (Ha)	Vị trí		Căn cứ pháp lý
						Địa danh quận	Địa danh phường	
<b>I</b>	<b>Danh mục dự án điều chỉnh, bổ sung trong năm 2023</b>							
<b>I.1</b>	<b>Các dự án có trong Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND thành phố Hà Nội</b>							
1	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Tây Luông	TIN	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng quận Ba Đình.	0,123	0,014	Ba Đình	Phường Nguyễn Trung Trực	Nghị quyết 24/NQ-HĐND ngày 17/12/2022 của Hội đồng nhân dân quận Ba Đình về việc phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công của Quận Ba Đình.
2	Giải quyết tồn tại của Dự án thoát nước nhằm cải thiện môi trường Hà Nội – Dự án II trên địa bàn quận Ba Đình.	DGT	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng quận Ba Đình.	0,042	0,042	Ba Đình	Các phường: Đội Cấn; Liễu Giai; Ngọc Hà; Thành Công.	Nghị quyết 05/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 của Hội đồng nhân dân quận Ba Đình về việc phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công của Quận Ba Đình.
	<b>Tổng số</b>			<b>0,165</b>	<b>0,056</b>			

